

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2022/DSST

Ngày: 20 - 6 - 2022

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hoàng Hoa

Ông Lê Anh Chiến

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thơm, thư ký Tòa án.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 93/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐXXST-DS ngày 17/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2022/QĐST-DS ngày 06/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thanh H**, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979 (có mặt);

Anh **Trần Hoàng Đ**, sinh năm 1974 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày:

Chị H là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp Sơn H. Do quen biết nên từ năm 2016 đến năm 2020, chị H có bán phân bón, thuốc trừ sâu cho chị T, anh Đ trồng rẫy. Hình thức mua, bán là gói đầu, chị H sẽ giao phân bón, thuốc trừ sâu cho chị T, anh Đ trước, đến khi thu hoạch nông sản thì chị T, anh Đ trả tiền cho chị H. Đến tháng 10/2020 hai bên chốt nợ, khi đó chị T, anh Đ còn nợ lại chị H số tiền 111.245.000đồng, ngày 16/12/2020 anh Đ, chị T trả cho chị H được 50.000.000đồng nên còn nợ lại 61.245.000đồng, nhưng chị H chỉ tính tròn 61.000.000đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng và cam kết đến ngày

31/10/2021 sẽ thanh toán toàn bộ vốn và lãi cho chị H nhưng đến ngày 18/4/2021 chị T, anh Đ mới làm giấy nhận nợ cho chị H. Chữ viết trong Giấy nhận nợ ngày 18/4/2021 là do chị H viết, còn chữ ký T và chữ viết Nguyễn Thị T là do chị T ký và viết tên, chữ ký Đ và chữ viết Trần Hoàng Đ là do anh Đ ký và viết tên.

Tuy nhiên đã quá thời hạn theo hai bên thỏa thuận nhưng phía chị T, anh Đ vẫn chưa trả tiền cho chị H, nên chị H yêu cầu chị T và anh Đ trả cho chị H số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 61.000.000đồng (Sáu mươi một triệu đồng) và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 16/12/2020 đến ngày 16/3/2022 là 15 tháng số tiền 9.150.000đồng, tổng cộng là 70.150.000đồng. Yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị T, anh Trần Hoàng Đ thống nhất trình bày:

Chị T và anh Đ là vợ chồng. Chị T, anh Đ thừa nhận từ năm 2016 đến năm 2020 vợ chồng anh chị có mua phân bón, thuốc trừ sâu do chị H bán để trồng hoa màu. Hình thức mua bán gởi đầu, chị H cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu cho anh chị trước, đến khi thu hoạch hoa màu sẽ trả tiền cho chị H, nhưng có khi trả đủ, có khi trả không đủ tiền cho chị H. Đến tháng 10/2020 hai bên chốt nợ, khi đó chị T, anh Đ còn nợ lại chị H số tiền 111.245.000đồng, ngày 16/12/2020 anh Đ, chị T trả cho chị H được 50.000.000đồng nên còn nợ lại 61.245.000đồng, nhưng chị H chỉ tính tròn 61.000.000đồng, nhưng đến ngày 18/4/2021 anh chị mới làm Giấy nhận nợ cho chị H giữ. Chữ viết trong Giấy nhận nợ ngày 18/4/2021 là do chị H viết, còn chữ ký T và chữ viết Nguyễn Thị T là do chị T ký và viết tên, chữ ký Đ và chữ viết Trần Hoàng Đ là do anh Đ ký và viết tên. Chị T, anh Đ thừa nhận tuy nội dung Giấy nhận nợ do chị H viết nhưng anh chị vẫn hiểu rõ nội dung là xác nhận còn nợ chị H số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ là 61.000.000đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả vốn và lãi là ngày 31/10/2021. Nhưng do khi viết giấy nhận nợ, chị H có hứa cho vợ chồng anh chị trả dần, nhưng sau đó chị H không đồng ý cho anh chị trả dần mà lại khởi kiện yêu cầu anh chị trả đủ một lần. Do đó, chị T, anh Đ chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 61.000.000đồng. Tuy nhiên do hiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần cho chị H mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết số nợ 61.000.000đồng, xin không trả lãi.

Chị H cho rằng, vào ngày viết Giấy nhận nợ (18/4/2021) chị không có thỏa thuận cho chị T, anh Đ trả dần do đó không đồng ý theo yêu của chị T, anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Các đương sự có mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được tiến hành xét xử theo quy định;

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H yêu cầu chị T, anh Đ trả cho chị H số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ là 61.000.000đồng cùng tiền lãi nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự; bị đơn cư trú tại ấp Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C;

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh H về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị T, anh Trần Hoàng Đ có nghĩa vụ trả cho chị số tiền mua phân bón thuốc trừ sâu còn nợ là 61.000.000đồng và tiền lãi là 9.150.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với số tiền nợ gốc:

Chị T, anh Đ thừa nhận từ năm 2016 đến năm 2020 có mua phân bón, thuốc trừ sâu do chị H bán. Đến tháng 10/2020 hai bên chốt nợ, khi đó chị T, anh Đ còn nợ chị H số tiền 111.245.000đồng, ngày 16/12/2020 có trả được 50.000.000đồng, còn nợ lại 61.245.000đồng, nhưng chị H chỉ tính tròn 61.000.000đồng, ngày 18/4/2021 chị T, anh Đ có làm Giấy nhận nợ cho chị H giữ, nội dung giấy này là do chị H viết, còn chữ ký và viết tên trong giấy nhận nợ là do chị T và anh Đ ký và viết tên. Hiện anh chị vẫn còn nợ chị H 61.000.000đồng. Khi ký giấy nhận nợ, chị H có hứa cho anh chị trả dần, nhưng nay lại khởi kiện yêu cầu trả đủ một lần nên chị T, anh Đ đồng ý trả cho chị H số tiền 61.000.000đồng, nhưng xin trả mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, phía chị H không thừa nhận việc trước đây chị có hứa cho chị T, anh Đ trả dần số nợ này và không đồng ý cho trả dần theo yêu cầu của chị T, anh Đ. Do đó, lời khai nại và yêu cầu của chị T, anh Đ là không có cơ sở.

Căn cứ vào Giấy nhận nợ đề ngày 18/4/2021 do chị H cung cấp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ năm 2016 đến năm 2020 chị T, anh Đ có mua phân bón thuốc trừ sâu do chị H bán. Vào tháng 10/2020 hai bên chốt nợ, khi đó chị T, anh Đ còn nợ lại chị H số tiền 111.245.000đồng, ngày 16/12/2020 có trả được 50.000.000đồng, còn nợ lại 61.245.000đồng, nhưng chị H chỉ tính tròn 61.000.000đồng, ngày 18/4/2021 chị T, anh Đ có làm Giấy nhận nợ cho chị H giữ. Hiện nay, chị T, anh Đ còn nợ chị H số tiền 61.000.000đồng và chưa trả số tiền này cho chị H. Do đó cần buộc chị T, anh Đ có nghĩa vụ trả số tiền này cho chị H.

[3.1] Đối với yêu cầu tính lãi của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hai bên thừa nhận việc mua bán là gởi đầu, hai bên có gặp nhau để chốt nợ tại Giấy nhận nợ đề ngày 18/4/2021 cũng thể hiện rõ, chị T, anh Đ còn nợ chị H

số tiền gốc là 61.000.000đồng và thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Chị H yêu cầu chị T, anh Đ trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tính từ ngày 16/12/2020 đến ngày 16/3/2022 là 15 tháng với lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (Cách tính $61.000.000\text{đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 15\text{ tháng} = 9.150.000\text{đồng}$) và đã có lợi cho phía bị đơn. Chị T, anh Đ cho rằng hiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin không trả lãi nhưng phía chị H không đồng ý, do đó yêu cầu của chị T, anh Đ là không có cơ sở chấp nhận.

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của chị H, buộc chị T, anh Đ có nghĩa vụ trả lãi 9.150.000đồng cho chị H.

Tổng cộng, vốn và lãi chị T, anh Đ phải trả cho chị H là 70.150.000đồng.

[3.3] Xét yêu cầu của chị H về việc yêu cầu chị T, anh Đ có nghĩa vụ trả số tiền vốn và lãi 70.150.000đồng, thời gian trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc chị T, anh Đ xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết số tiền 61.000.000đồng do hiện tại hoàn cảnh kinh tế khó khăn làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H, đồng thời phía chị H cũng không đồng ý nên yêu cầu của chị T, anh Đ là không có cơ sở chấp nhận. Do đó cần buộc chị T, anh Đ có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là 61.000.000đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 9.150.000đồng, tổng cộng là 70.150.000đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị Trần Thị Thanh H được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị T, anh Trần Hoàng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, các điều 92, 147, 220, 227, 235, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 430, 440, 468, 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi Hình án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh H.

Buộc chị Nguyễn Thị T, anh Trần Hoàng Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị Thanh H số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là 61.000.000đồng, tiền lãi là 9.150.000đồng, tổng cộng là 70.150.000đồng (*Bảy mươi triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*);

Thời gian thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày chị Trần Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, nếu chị Nguyễn Thị T, anh Trần Hoàng Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T, anh Trần Hoàng Đ phải chịu 3.507.500đồng (*Ba triệu năm trăm lẻ bảy ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại chị Trần Thị Thanh H 1.754.000đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi bốn ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0005561 ngày 23/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Lĩnh